

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG TRUNG TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM: CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG

LÝ HOÀNG ANH
Trường Đại học Thăng Long

Nhận bài ngày 22/8/2026. Sửa chữa xong 22/9/2026. Duyệt đăng 25/9/2026.

Abstract

The rapid development of artificial intelligence (AI) is bringing significant changes to higher education, including foreign language teaching. In Chinese language instruction, AI has the potential to personalize learning, enhance communicative practice, support the development of listening, speaking, reading, and writing skills, and assist instructors in creating learning materials and exercises. However, its application also presents challenges related to content accuracy, overreliance on technology, assessment, data security, and the AI competence of instructors and students. Based on an analysis of these opportunities and challenges, this article proposes directions for integrating AI in alignment with educational objectives, strengthening instructors' pedagogical role, promoting learner autonomy, and ensuring the responsible use of technology.

Keywords: Artificial intelligence, Chinese language teaching, digital transformation, educational technology, higher education.

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI) đang tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong giáo dục đại học, đặc biệt trong lĩnh vực dạy và học ngoại ngữ. Với khả năng xử lý ngôn ngữ tự nhiên, phân tích dữ liệu và tương tác theo thời gian thực, các công cụ AI ngày càng được ứng dụng trong xây dựng học liệu, thiết kế hoạt động học tập, tạo bài tập, cung cấp phản hồi và hỗ trợ tương tác giữa giảng viên (GV) và sinh viên (SV). Vì vậy, việc tích hợp AI vào quá trình dạy học mở ra những khả năng mới trong cá nhân hóa hoạt động học tập, nâng cao tính tương tác và đổi mới phương pháp giảng dạy. Đối với giảng dạy Tiếng Trung tại các trường đại học, AI có tiềm năng hỗ trợ toàn diện quá trình hình thành và phát triển các năng lực ngôn ngữ của người học. Các công cụ nhận diện và tổng hợp giọng nói có thể hỗ trợ luyện phát âm và thanh điệu; các hệ thống tạo sinh và xử lý ngôn ngữ có thể hỗ trợ học từ vựng, chữ Hán, ngữ pháp cũng như phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Đồng thời, khả năng cung cấp phản hồi nhanh và tương tác theo nhu cầu cá nhân có thể góp phần tạo môi trường học tập linh hoạt, thúc đẩy tính chủ động và khả năng tự học của SV. Tuy nhiên, việc ứng dụng AI trong giảng dạy Tiếng Trung cũng đặt ra nhiều vấn đề cần được xem xét một cách thận trọng, như độ chính xác và độ tin cậy của nội dung do AI tạo ra, nguy cơ người học phụ thuộc vào công nghệ, tác động đến tính chủ động và tư duy độc lập, những thay đổi trong kiểm tra, đánh giá, vấn đề bảo mật dữ liệu cá nhân, bản quyền học liệu và năng lực số của GV, SV. Do đó, hiệu quả ứng dụng AI không chỉ phụ thuộc vào khả năng công nghệ mà còn gắn với phương pháp sư phạm, năng lực chuyên môn của GV và cơ chế quản lý, sử dụng phù hợp trong môi trường giáo dục đại học. Trên cơ sở đó, bài viết phân tích cơ hội, thách thức và đề xuất định hướng ứng dụng AI trong giảng dạy Tiếng Trung tại các trường đại học Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo và phát huy vai trò của cả GV và SV.

Email: anhlh@thanglong.edu.vn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ hội ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy Tiếng Trung

2.1.1. Cá nhân hóa hoạt động học tập

Trong một lớp tiếng Trung ở bậc đại học, trình độ và nhu cầu học tập của SV có sự khác biệt về vốn từ, chữ Hán, phát âm, thanh điệu, ngữ pháp và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Trong khi thời lượng trên lớp có giới hạn, việc thiết kế tiến trình riêng cho từng SV không dễ thực hiện. AI vì vậy có thể hỗ trợ phân hóa nội dung, bài tập và phản hồi, giúp người học có thêm cơ hội luyện tập phù hợp với trình độ của mình.

Kết quả nghiên cứu tại Việt Nam bước đầu cho thấy tiềm năng này. Tác giả Nguyễn Phước Tài, Nguyễn Hùng Thành và Nguyễn Thuận Quý (2026) khảo sát 350 SV và 45 GV tại ba trường đại học Việt Nam về việc tích hợp ChatGPT trong dạy học Tiếng Trung (gồm Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, Trường Đại học FPT Cần Thơ và Trường Đại học Đồng Tháp). Có 78,3% SV cho rằng hình thức học tập cá nhân hóa có sự hỗ trợ của AI giúp cải thiện động lực học tập, 82,1% đánh giá cao khả năng nhận phản hồi tức thời. Nghiên cứu cũng ghi nhận mối tương quan thuận giữa năng lực sử dụng AI và hiệu quả học tập ($r = 0,67$; $p < 0,001$), trong đó năng lực sử dụng AI giải thích khoảng 45% sự biến thiên của kết quả học tập (Nguyễn Phước Tài et al., 2026).

Đối với môn Tiếng Trung, cá nhân hóa có thể được triển khai theo từng nhóm kỹ năng. SV còn yếu về phát âm và thanh điệu có thể tăng cường luyện đọc, phân biệt thanh điệu; người gặp khó khăn về chữ Hán có thể tập trung vào nhận diện và ghi nhớ; SV chưa vững ngữ pháp có thể luyện thêm các dạng bài từ đơn giản đến nâng cao. Ngược lại, SV có năng lực tốt hơn có thể thực hiện các nhiệm vụ mở như đọc hiểu, viết hoặc hội thoại theo tình huống. Theo Trần Doãn Vinh và Trần Thị Hương (2026), AI tạo sinh đang mở rộng khả năng hỗ trợ người học tiếp cận nội dung, thực hiện nhiệm vụ và nhận phản hồi theo nhu cầu cá nhân. Tuy nhiên, cá nhân hóa không đồng nghĩa với việc để SV tự học hoàn toàn bằng công nghệ. Nghiên cứu của Tran Linh Chi & He, Xiaoyang (2026) trên 300 SV tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 cho thấy các yếu tố liên quan đến GV có vai trò quan trọng nhất đối với hiệu quả ứng dụng AI trong đào tạo Tiếng Trung, tiếp đến là thực hành sư phạm, sự sẵn sàng của SV, cơ sở hạ tầng và hỗ trợ của nhà trường. Như vậy, giá trị của AI trong cá nhân hóa học tập nằm ở khả năng hỗ trợ GV đáp ứng tốt hơn sự khác biệt giữa các nhóm người học. Công nghệ có thể tạo thêm bài tập, điều chỉnh mức độ luyện tập và cung cấp phản hồi nhưng GV vẫn giữ vai trò xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung và kiểm soát chất lượng hoạt động học tập. Đây là cơ sở để việc ứng dụng AI góp phần làm cho dạy học Tiếng Trung linh hoạt hơn mà không làm suy giảm vai trò của người dạy.

2.1.2. Tăng cường thực hành giao tiếp

Một hạn chế khá rõ trong dạy và học Tiếng Trung ở bậc đại học là thời lượng thực hành nói trên lớp thường không nhiều, trong khi khả năng giao tiếp chỉ có thể hình thành qua quá trình luyện tập thường xuyên. Trong trường hợp này, các công cụ ứng dụng AI có thể tạo thêm môi trường để SV thực hành hội thoại ngoài giờ học. Người học có thể lựa chọn tình huống giao tiếp, mức độ khó và chủ đề phù hợp với trình độ của mình; đồng thời nhận phản hồi ngay sau mỗi lượt tương tác. Nghiên cứu của Nguyễn Văn Tiến và Phạm Chiến Thắng (2026) về SV ngành Trung Quốc học tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên cho thấy việc ứng dụng AI được xem là một hướng hỗ trợ đáng chú ý trong nâng cao kỹ năng khẩu ngữ. Điểm đáng chú ý là giá trị của AI không chỉ nằm ở việc tạo ra một “người đối thoại ảo” mà còn ở khả năng duy trì tần suất luyện tập mà lớp học trực tiếp khó đáp ứng. Kết quả nghiên cứu của Liang và Wang (2026) trên 105 người học cho thấy nhóm sử dụng tương tác qua AI trong 8 tuần có sự cải thiện về mức độ lo âu khi nói, hứng thú giao tiếp và sự sẵn sàng tham gia giao tiếp. Tuy nhiên, kết quả này được thực hiện trong bối cảnh người học Tiếng Anh tại Trung Quốc nên khi vận dụng vào dạy Tiếng Trung ở Việt Nam cần có sự điều chỉnh về nội dung, trình độ và tình huống giao tiếp.

Như vậy, AI có thể mở rộng không gian luyện nói cho SV nhưng không nên được xem là sự thay thế cho tương tác giữa người với người. Vai trò của GV vẫn cần được duy trì trong việc lựa chọn tình huống, kiểm tra chất lượng phản hồi và hướng dẫn SV vận dụng ngôn ngữ vào những hoàn cảnh giao tiếp thực tế. Đặc thù của tiếng Trung khiến người học phải đồng thời làm chủ phát âm, thanh điệu, chữ Hán, từ vựng, ngữ pháp và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Đây cũng là những nội dung đòi hỏi người học phải luyện tập thường xuyên và nhận được phản hồi tương đối kịp thời. AI có thể tham gia vào quá

trình này thông qua các chức năng nhận diện giọng nói, phân tích câu trả lời, cung cấp bài tập thích ứng và điều chỉnh mức độ luyện tập theo kết quả của từng người học.

Một nghiên cứu thực nghiệm của Geng, Wuttiphan, Han và Kwangmuang (2026) đã xây dựng hệ thống học tập cá nhân hóa dựa trên AI để hỗ trợ SV học phát âm và ngữ pháp tiếng Trung. Nghiên cứu được thực hiện trong 16 tuần với 60 SV đại học tại Thái Lan. Kết quả cho thấy nhóm sử dụng hệ thống AI có sự tiến bộ ở các nhóm thanh điệu và cấu trúc ngữ pháp được nghiên cứu; hệ thống đồng thời cung cấp phản hồi theo thời gian thực và lộ trình luyện tập thích ứng với người học. Từ kết quả này có thể thấy, AI có khả năng hỗ trợ khá rõ đối với những nội dung cần luyện tập nhiều lần như phát âm và ngữ pháp. Đối với SV Việt Nam học Tiếng Trung, công nghệ còn có thể được khai thác để tạo các bài luyện từ vựng theo chủ đề, bài tập nhận diện và sửa lỗi câu, luyện đọc chữ Hán hoặc xây dựng tình huống nghe - hiểu ở nhiều mức độ khác nhau. Tuy nhiên, hiệu quả của công cụ vẫn phụ thuộc vào cách thiết kế nhiệm vụ học tập và sự hướng dẫn của GV; không nên đồng nhất khả năng tạo bài tập của công nghệ với chất lượng của quá trình học tập.

2.1.3. Hỗ trợ giảng viên đổi mới phương pháp dạy học

Việc ứng dụng AI không chỉ tạo thêm công cụ cho SV mà còn có thể hỗ trợ GV trong quá trình chuẩn bị và tổ chức bài giảng. Với những học phần Tiếng Trung có số lượng bài tập và tình huống thực hành lớn, GV có thể sử dụng công nghệ để gợi ý nội dung hội thoại, xây dựng bài tập theo chủ đề, tạo các biến thể của cùng một nhiệm vụ hoặc hỗ trợ phản hồi bước đầu đối với sản phẩm của người học. Nhờ đó, thời gian dành cho những công việc mang tính lặp lại có thể được giảm bớt để GV tập trung hơn vào hướng dẫn, giải thích và xử lý những vấn đề mà công nghệ khó thay thế. Đáng chú ý, nghiên cứu của Dong và Wang (2026) tập trung trực tiếp vào việc sử dụng AI và rô-bốt trong dạy Tiếng Trung như một ngôn ngữ thứ hai ở bậc đại học. Nghiên cứu phỏng vấn 42 giáo viên Tiếng Trung cho thấy công nghệ có thể góp phần giảm khối lượng công việc của giáo viên, đa dạng hóa học liệu, hỗ trợ cá nhân hóa việc dạy học và nâng cao hiệu quả giảng dạy. Đồng thời, nghiên cứu cũng chỉ ra nhu cầu về đào tạo giáo viên, cơ sở hạ tầng và nguồn lực tài chính khi triển khai công nghệ.

Như vậy, vai trò của AI trong trường đại học nên được nhìn nhận theo hướng hỗ trợ chuyên môn hơn là thay thế GV. Công nghệ có thể đảm nhiệm một số khâu chuẩn bị, cung cấp học liệu và phản hồi ban đầu nhưng việc lựa chọn nội dung, xác định mục tiêu bài học, điều chỉnh phương pháp theo đặc điểm của lớp học và đánh giá sự tiến bộ của SV vẫn cần đến năng lực chuyên môn và kinh nghiệm sư phạm của GV. Đây cũng là điều kiện quan trọng để việc ứng dụng AI trong dạy Tiếng Trung không dừng ở việc sử dụng một công cụ mới mà thực sự tạo ra sự thay đổi trong phương pháp dạy học.

2.2. Thách thức khi ứng dụng AI

2.2.1. Độ chính xác và tính phù hợp của nội dung do trí tuệ nhân tạo tạo ra

Một trong những vấn đề đáng lưu ý là nội dung do AI tạo ra không phải lúc nào cũng chính xác hoặc phù hợp với ngữ cảnh sử dụng. Đối với tiếng Trung, hạn chế này có thể thể hiện ở cách dùng từ, cấu trúc câu, phát âm, thanh điệu, sắc thái biểu đạt và sự khác biệt giữa ngôn ngữ viết với ngôn ngữ giao tiếp. Một câu trả lời có thể đúng về mặt ngữ pháp nhưng chưa chắc phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp hoặc sắc thái văn hóa cụ thể. Đối với giảng dạy Tiếng Trung, vấn đề này càng cần được chú ý vì người học ở trình độ đầu và trung cấp thường khó tự nhận biết một cách chính xác đâu là cách diễn đạt chưa phù hợp. Do đó, nếu tiếp nhận nguyên văn câu trả lời của công cụ mà không kiểm chứng, SV có thể hình thành cách dùng từ hoặc cấu trúc ngôn ngữ không chính xác. Việc sử dụng AI vì vậy cần đi kèm với khâu kiểm tra và điều chỉnh của GV.

2.2.2. Nguy cơ phụ thuộc vào trí tuệ nhân tạo của sinh viên

Sự thuận tiện của công nghệ có thể khiến một bộ phận SV hình thành thói quen sử dụng AI thay cho quá trình tự tìm hiểu và tự giải quyết vấn đề. Trong học Tiếng Trung, biểu hiện này có thể xuất hiện khi SV thường xuyên yêu cầu công cụ dịch câu, viết đoạn văn, giải thích ngữ pháp hoặc hoàn thành bài tập mà không tự suy nghĩ trước. Nếu kéo dài, việc sử dụng công nghệ theo cách này có thể làm giảm tính chủ động và hạn chế cơ hội hình thành năng lực ngôn ngữ thực sự. Vì vậy, vấn đề không nằm ở việc SV có sử dụng AI hay không mà ở cách thức sử dụng. Công nghệ chỉ thực sự có giá trị khi giúp người học suy nghĩ, luyện tập và nhận phản hồi tốt hơn, thay vì thực hiện thay những nhiệm vụ mà người học cần tự mình hoàn thành.

2.2.3. Khó khăn trong kiểm tra, đánh giá

Việc AI có khả năng tạo văn bản, dịch, sửa bài và giải quyết nhiều dạng nhiệm vụ học tập đang làm thay đổi cách thức đánh giá kết quả học Tiếng Trung. Đối với những bài tập viết, dịch hoặc chuẩn bị hội thoại ở nhà, GV khó xác định chính xác sản phẩm do SV tự thực hiện và phần có sự hỗ trợ của công nghệ. Điều này đặc biệt đáng lưu ý khi sản phẩm cuối cùng có thể phản ánh năng lực của công cụ nhiều hơn năng lực ngôn ngữ của người học. Do đó, việc kiểm tra tiếng Trung trong bối cảnh có AI hỗ trợ cần chuyển dần từ chỉ đánh giá sản phẩm cuối cùng sang quan tâm nhiều hơn đến quá trình thực hiện. Các hình thức như trình bày trực tiếp, vấn đáp, thực hành hội thoại, viết tại lớp, giải thích cách lựa chọn từ và cấu trúc câu hoặc yêu cầu SV phản biện chính sản phẩm do công cụ tạo ra có thể giúp GV nhận diện rõ hơn năng lực thực tế của người học.

2.2.4. Hạn chế về năng lực sử dụng trí tuệ nhân tạo và các vấn đề đạo đức

Hiệu quả ứng dụng AI phụ thuộc đáng kể vào năng lực của người sử dụng. GV không chỉ cần biết cách khai thác công cụ mà còn phải có khả năng lựa chọn công cụ phù hợp, xây dựng yêu cầu, kiểm tra kết quả và nhận diện những nội dung không chính xác. Bên cạnh đó là các vấn đề về bảo mật dữ liệu, bản quyền, quyền riêng tư và trách nhiệm đối với nội dung do AI tạo ra. UNESCO nhấn mạnh yêu cầu bảo vệ dữ liệu cá nhân và xây dựng cách tiếp cận lấy con người làm trung tâm trong sử dụng AI tạo sinh trong giáo dục; các cơ sở giáo dục cần có cơ chế quản lý và hướng dẫn sử dụng phù hợp thay vì chỉ tập trung vào khả năng khai thác công nghệ (Miao & Holmes, 2023). Như vậy, thách thức của việc ứng dụng AI trong giảng dạy Tiếng Trung không chỉ nằm ở công nghệ mà còn ở cách công nghệ được đưa vào quá trình dạy học. Nếu thiếu cơ chế kiểm chứng, hướng dẫn và quy định rõ ràng, công cụ có thể làm phát sinh những vấn đề về chất lượng ngôn ngữ, tính chủ động của SV, liêm chính học thuật và bảo vệ dữ liệu. Đây là những vấn đề cần được giải quyết đồng thời với việc khai thác các lợi ích mà AI mang lại.

2.3. Định hướng ứng dụng AI trong giảng dạy Tiếng Trung

2.3.1. Xác định AI là công cụ hỗ trợ, không thay thế giảng viên

Trong dạy học Tiếng Trung, AI có thể đảm nhiệm nhiều công việc như gợi ý học liệu, tạo bài tập, mô phỏng hội thoại hoặc cung cấp phản hồi ban đầu. Tuy nhiên, công nghệ khó thay thế vai trò của GV trong việc xác định mục tiêu bài học, lựa chọn nội dung phù hợp với trình độ SV và xử lý những vấn đề liên quan đến ngữ cảnh, văn hóa và giao tiếp. Nghiên cứu của Delanoy và Chen (2026) về việc sử dụng phản hồi do AI tạo ra trong các học phần ngôn ngữ bắt buộc tại Trung Quốc cho thấy sự tham gia chủ động của GV có ý nghĩa quan trọng trong việc định hướng SV sử dụng công nghệ và hình thành năng lực sử dụng AI. Nghiên cứu được thực hiện với 207 SV năm thứ nhất và phỏng vấn 24 SV cùng 6 GV. Vì vậy, thay vì đặt AI vào vị trí trung tâm của giờ học, GV cần sử dụng công nghệ như một phương tiện để mở rộng hoạt động dạy và học. Cách tiếp cận này vừa khai thác được ưu điểm của công nghệ, vừa bảo đảm tính định hướng và kiểm soát chuyên môn của người dạy.

2.3.2. Tích hợp trí tuệ nhân tạo theo từng kỹ năng và mục tiêu học tập

Không phải nội dung nào của môn Tiếng Trung cũng cần sử dụng AI ở cùng một mức độ. Việc lựa chọn công cụ nên xuất phát từ mục tiêu cụ thể của học phần và kỹ năng cần hình thành. Với phát âm và thanh điệu, có thể ưu tiên các công cụ nhận diện giọng nói và phản hồi phát âm; với khẩu ngữ, có thể sử dụng các tình huống hội thoại tương tác; với đọc hiểu và từ vựng, công nghệ có thể hỗ trợ tạo câu hỏi, giải thích từ và mở rộng ngữ liệu; với viết, có thể sử dụng để gợi ý, phản hồi và giúp SV tự phát hiện lỗi. Cách tiếp cận này giúp tránh tình trạng sử dụng AI theo phong trào hoặc đưa công nghệ vào mọi hoạt động mà không làm rõ giá trị bổ sung. Mỗi lần sử dụng cần xác định rõ công cụ giúp giải quyết vấn đề gì, hỗ trợ kỹ năng nào và kết quả đó có phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần hay không. Như vậy, công nghệ được tích hợp vào phương pháp dạy học thay vì trở thành một hoạt động tách rời.

2.3.3. Nâng cao năng lực sử dụng trí tuệ nhân tạo cho giảng viên và sinh viên

Năng lực sử dụng AI cần được hiểu rộng hơn khả năng biết sử dụng một vài công cụ. SV và GV cần biết đặt yêu cầu, lựa chọn công cụ, đánh giá kết quả, kiểm chứng thông tin và nhận diện những trường hợp công nghệ đưa ra nội dung thiếu chính xác hoặc không phù hợp. Đối với GV, năng lực này còn gắn với khả năng thiết kế hoạt động học tập có sử dụng AI và hướng dẫn SV sử dụng công nghệ đúng mục đích. Đối với

SV ngành Tiếng Trung, nội dung này có thể được đưa vào các học phần hoặc hoạt động hướng dẫn kỹ năng học tập, trong đó nhấn mạnh ba yêu cầu: sử dụng có mục đích, kiểm chứng trước khi tiếp nhận và minh bạch về mức độ hỗ trợ của công nghệ. Qua đó, SV không chỉ biết khai thác AI mà còn hình thành khả năng đánh giá và chịu trách nhiệm đối với sản phẩm học tập của mình.

2.3.4. Đối mới kiểm tra, đánh giá theo hướng coi trọng quá trình và năng lực vận dụng

Sự phổ biến của AI đặt ra yêu cầu điều chỉnh cách đánh giá, đặc biệt đối với những nhiệm vụ mà SV có thể dễ dàng sử dụng công cụ để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh. Thay vì chỉ đánh giá bài viết hoặc bài tập cuối cùng, GV có thể kết hợp nhiều hình thức như viết tại lớp, vấn đáp, thuyết trình, thực hành hội thoại, kiểm tra phản xạ ngôn ngữ và yêu cầu SV giải thích cách lựa chọn từ vựng, cấu trúc câu trong sản phẩm của mình. Đối với tiếng Trung, đối mới đánh giá cần hướng nhiều hơn vào khả năng sử dụng ngôn ngữ trong tình huống thực tế. Chẳng hạn, thay vì chỉ yêu cầu SV viết một đoạn hội thoại ở nhà, GV có thể cho SV xử lý tình huống trực tiếp, phản hồi câu hỏi bất ngờ hoặc thực hiện hội thoại theo vai. Cách đánh giá này vừa phù hợp với đặc thù của môn ngoại ngữ, vừa giúp nhận diện rõ hơn năng lực ngôn ngữ thực tế của người học.

Nhìn chung, ứng dụng AI trong giảng dạy Tiếng Trung cần được triển khai đồng bộ từ lựa chọn công cụ, thiết kế hoạt động học tập đến đào tạo năng lực sử dụng và kiểm tra, đánh giá. Trọng tâm không phải là sử dụng càng nhiều công nghệ càng tốt mà là xác định đúng những khâu mà công nghệ có thể tạo ra giá trị. Khi được đặt dưới sự định hướng của GV và gắn với mục tiêu đào tạo, AI có thể trở thành một thành tố hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học Tiếng Trung tại các trường đại học Việt Nam.

3. Kết luận

Trí tuệ nhân tạo đang mở ra nhiều cơ hội đổi mới hoạt động giảng dạy Tiếng Trung tại các trường đại học Việt Nam, từ hỗ trợ cá nhân hóa học tập, tăng cường thực hành giao tiếp đến xây dựng học liệu và cung cấp phản hồi cho người học. Tuy nhiên, những lợi ích này đi cùng với các thách thức về độ chính xác và chất lượng nội dung, nguy cơ làm giảm tính chủ động của SV, khó khăn trong kiểm tra, đánh giá và những vấn đề liên quan đến đạo đức, trách nhiệm trong sử dụng công nghệ. Vì vậy, ứng dụng AI cần được triển khai theo hướng có mục tiêu, có kiểm soát và phù hợp với điều kiện thực tế của từng cơ sở đào tạo. Người học cần được khuyến khích sử dụng công nghệ một cách chủ động, có khả năng kiểm chứng và chịu trách nhiệm đối với kết quả học tập; đồng thời, GV vẫn giữ vai trò chuyên môn trong thiết kế hoạt động, định hướng, kiểm chứng và đánh giá. Qua đó, AI có thể trở thành công cụ hỗ trợ đổi mới dạy học mà không làm thay thế vai trò của con người trong giáo dục.

Tài liệu tham khảo

- Delanoy, N., & Chen, D. (2026). Phản hồi GenAI do giảng viên định hướng như một con đường phát triển năng lực trí tuệ nhân tạo trong các học phần sau đại học tại Trung Quốc. *European Journal of Education*, 61(2), e70578. <https://doi.org/10.1111/ejed.70578>.
- Dong, X., & Wang, H. (2026). Tích hợp rô-bốt và trí tuệ nhân tạo (AI) vào giảng dạy Tiếng Trung như ngôn ngữ thứ hai ở giáo dục đại học: Làm rõ những tiềm năng, thách thức và cơ hội. *European Journal of Education*, 61(1), e70442. <https://doi.org/10.1111/ejed.70442>.
- Geng, J., Wuttiphon, N., Han, J., & Kwangmuang, P. (2026). *Học tập cá nhân hóa đổi mới dựa trên trí tuệ nhân tạo nhằm nâng cao kỹ năng phát âm và ngữ pháp tiếng Trung cho sinh viên đại học*. Language Teaching Research. <https://doi.org/10.1177/13621688261440791>.
- Liang, H., & Wang, H. (2026). Thúc đẩy giao tiếp bằng lời nói của sinh viên đại học Trung Quốc học Tiếng Anh như một ngoại ngữ thông qua tương tác có trung gian trí tuệ nhân tạo: Nghiên cứu kết hợp phương pháp định lượng và định tính. *European Journal of Education*, 61(4), e70847. <https://doi.org/10.1111/ejed.70847>.
- Miao, F., & Holmes, W. (2023). *Hướng dẫn về trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong giáo dục và nghiên cứu*. UNESCO. <https://www.unesco.org/en/articles/guidance-generative-ai-education-and-research>.
- Nguyễn Phước Tài, Nguyễn Hùng Thành, Nguyễn Thuận Quý (2026). Tích hợp ChatGPT trong giảng dạy Tiếng Trung: Nghiên cứu đa cơ sở tại Việt Nam. *International Journal of Evaluation and Research in Education*, 15(2), 1469-1477. <https://doi.org/10.11591/ijere.v15i2.37760>.
- Nguyễn Văn Tiến, Phạm Chiến Thắng (2026). Thực trạng và giải pháp ứng dụng AI trong việc nâng cao kỹ năng khẩu ngữ cho sinh viên ngành Trung Quốc học tại Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên. *Tạp chí Giáo dục*, 26(đặc biệt 1), 385-390.
- Tran, Linh Chi & He, Xiaoyang (2026). Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy Tiếng Trung ở trường đại học: Thực trạng, hiệu quả và tác động đến kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên. *JOIV: International Journal on Informatics Visualization*, 10(4), 1515-1527. <https://doi.org/10.62527/joiv.10.4.5964>.
- Trần Doãn Vinh, Trần Thị Hương. (2026). Tổng quan nghiên cứu về ứng dụng AI tạo sinh trong hỗ trợ học tập cá nhân hóa ở giáo dục đại học. *Tạp chí Giáo dục*, 26(đặc biệt 8), 385-392.